TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ân.
Ông Phạm Công Luận.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông C có mặt, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/02/2019, bản tự khai ngày 29/3/2019, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh C trình bày:

Ông và bị đơn là bà Trần Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn vào ngày 24/12/2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm, thường hay cãi vả nên ông bà ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Vì vậy, ông yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Trong quá trình chung sống ông và bà Hương có một người con chung tên là Nguyễn Thanh S, sinh ngày 16/11/2008. Hiện cháu S đang sống với ông. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được trực tiếp nuôi cháu S, ông không yêu cầu bà H

cấp dưỡng cho con. Ông và bà H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 15 tháng 5 năm 2019. Tuy nhiên, bà H vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông C trình bày ông và bà H chung sống với nhau từ năm 2007 đến năm 2008 ông bà đăng ký kết hôn. Năm 2017, ông bà xảy ra mâu thuẫn, tuy mâu thuẫn không lớn nhưng kéo dài cho nên đến cuối năm 2018 ông bà không chung sống với nhau. Việc ông khởi kiện xin ly hôn, ông có báo cho bà H biết, bà H đồng ý. Tuy nhiên, sau này bà H thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn, không đến Tòa án giải quyết. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông và bà H không thể hàn gắn được. Vì vậy, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: ông C thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự .

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C. Ông C được ly hôn đối với bà H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 16/11/2008 cho ông Nguyễn Thanh C tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông C không có yêu cầu.

Bà H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà Trần Thị Ngọc H. Bà H cư trú tại ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre. Bà H

đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Thị Ngọc H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 12 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo ông C trình bày, trong quá trình chung sống, vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được. Từ năm cuối năm 2018 cho đến nay vợ chồng ông không chung sống với nhau. Hiện ông không còn tình cảm với bà H nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Với yêu cầu xin ly hôn của ông C, Tòa án đã tiến hành thông báo cho bà H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích hòa giải cho ông bà đoàn tụ nhưng bà H vắng mặt, không có ý kiến, để cho ông C tự giải quyết.

Xét thấy, giữa ông C và bà H không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đồng thời ông bà đã không chung sống với nhau. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C để giải quyết cho ông C được ly hôn với bà H.

[3] Về con chung: Theo hồ sơ vụ án và lời khai của ông C, ông C và bà H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 16/11/2008. Ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Về phía bà H thì không có ý kiến phản đối với lời trình bày cũng như yêu cầu của ông C.

Xét thấy, cháu S là con chung của ông C và bà H. Hiện cháu S đang sống với ông C và được ông C chăm sóc, nuôi dạy tốt. Cháu S có ý kiến, nguyện vọng được sống với ông C. Vì vậy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Sang cho ông Cao tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì ông C có quyền yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu S. Hội đồng xét xử có giải thích việc cấp dưỡng cho con là quyền và lợi ích của trẻ. Tuy nhiên, ông C không yêu cầu bà Hương cấp dưỡng cho con. Đây là sự tự nguyện của ông C nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông C trình bày ông và bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với bà H thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh C. Ông Nguyễn Thanh C được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 16/11/2008 cho ông Nguyễn Thanh C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông Nguyễn Thanh C không yêu cầu bà Trần Thị Ngọc H cấp dưỡng cho con.

Bà H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông C.

Bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bà H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà H.

Ông C có quyền yêu cầu bà H cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tam ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000274 ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối

với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền